TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 26/2026/QĐCNTTLH	*Bắc Ninh, ngày 24 tháng 02 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các Điều: 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ các Điều: 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của anh Trịnh Văn B và chị Nguyễn Thị N.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 01 năm 2026, về việc yêu cầu ly hôn của anh Trịnh Văn B.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 06 tháng 02 năm 2026 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

- *Người khởi kiện:* Anh Trịnh Văn B, sinh ngày 17/9/1990;

Địa chỉ: Thôn C, xã K, tỉnh Bắc Ninh.

Căn cước công dân số: 024090018301.

- *Người bị kiện:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 12/02/1994;

Địa chỉ: Thôn C, xã K, tỉnh Bắc Ninh.

Căn cước công dân số: 024194009199.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 06 tháng 02 năm 2026 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 06 tháng 02 năm 2026, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trịnh Văn B và chị Nguyễn Thị N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Trịnh Văn B và chị Nguyễn Thị N có 02 con chung là: Trịnh Phương T, sinh ngày 05/9/2012 và Trịnh Hải B1, sinh ngày

02/10/2014. Anh B và chị N thỏa thuận: Giao anh B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 cháu Trịnh Phương T và Trịnh Hải B1 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh B và chị N thỏa thuận, chị N cấp dưỡng nuôi con chung cho anh B một con một tháng là 1.500.000 đồng, 2 con là 3.000.000 đồng/tháng (ba triệu đồng/tháng) kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi với số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều: 6,7, Ta, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Chị Nguyễn Thị N có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở quyền này.

- Về tài sản: Anh Trịnh Văn B và chị Nguyễn Thị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND khu vực 4- Bắc Ninh;
- UBND xã Kép, tỉnh Bắc Ninh;
- Lưu HS+VP./.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Dương Thế Vinh